TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 622/2017/HS-PT
Ngày 19-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Phùng Hải Hiệp.

Thư ký phiên toà: Ông Mai Quang Hùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Lê Quang Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 666/2016/TLPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2016 đối với bị cáo Ngô Doãn P và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Phùng Văn L; kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2016/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bị cáo kháng cáo, bị kháng nghị (4):

1. Ngô Doãn P, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Ngô Doãn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, vợ là Đinh Thanh B, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2010, có mặt tại phiên tòa.

2. Cao Vũ C, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an, đảng viên thuộc Đảng ủy Công an tỉnh Bắc Giang, đã có Quyết định tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng số 11 ngày 08/10/2010 của Đảng ủy Công an tỉnh Bắc Giang; Văn hóa: 12/12; con ông Cao Văn N và bà Nguyễn Thị T; Vợ là Chu Thị

H, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2010; được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 08/7/2017, có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Mạnh D, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Văn hóa: 12/12; con ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị K; Vợ là Dương Mai Kh, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 06/9/2010, hủy bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/12/2010; sau đó bị cáo tự nguyện đi chấp hành án, có mặt tại phiên tòa.

4. Phùng Văn L, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi ở: phố T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Sửa chữa xe máy; văn hóa: 07/12; con ông Phùng Văn Q và bà Hà Thị L; Vợ là Nguyễn Thị T, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 02/10/2010 đến ngày 31/12/2010 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Trong thời gian tại ngoại bị cáo bị Công an thành phố Hà Nội bắt tạm giam do có hành vi phạm tội trong vụ án khác. Bị cáo được Hội đồng xét xử phúc thẩm trích xuất đến phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

Anh Đinh Trọng Th**,** trú tại: phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội; đã được triệu tập hợp lệ song anh Đinh Trọng Th vắng mặt không có lý do.

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Xuân T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 09/12/2009, chị Nguyễn Thị Lệ Thu H (Sinh năm 1975, trú tại: phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội) có đơn trình báo đến Công an thành phố Hà Nội tố cáo Ngô Doãn P lừa đảo chiếm đoạt của chị 3,6 tỷ đồng, 40.000 Đô la Mỹ và có hành vi buôn lậu xe ô tô từ Lào về Việt Nam, hợp thức hóa bằng hồ sơ thanh lý, sau đó đem đăng ký, bán cho người tiêu dùng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội tiến hành điều tra làm rõ. Căn cứ tài liệu xác minh, ngày 17/12/2009, cơ quan điều tra đã tạm giữ xe ô tô nhãn hiệu FORD - MUSTANG, BKS 30H và xe ô tô nhãn hiệu LANDROVER, BKS 30T tại Gara ô tô "P" Km 17, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (là xưởng sửa chữa xe ô tô của Ngô Doãn P), kiểm tra hồ sơ đăng ký xe ô tô BKS 30T tại Phòng Cảnh

sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội, phát hiện chiếc xe này có Quyết định thanh lý số 1737/QĐ - UBND ngày 07/8/2009, của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Những xe ô tô trên đã được đăng ký tại phòng Cảnh sát giao thông- Công an thành phố Hà Nội và phòng Cảnh sát giao thông- Công an tỉnh Nghệ An, cụ thể: Xe ô tô HUMMER, BKS 30U, xe ô tô LANDROVER, BKS 30T mang tên Ngô Doãn Q, sinh năm 1970, trú tại: Phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; xe ô tô LEXUS, BKS 30T mang tên Nguyễn Hồng V, sinh năm 1983, trú tại: K, quận T, thành phố Hà Nội. Đăng ký tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An: Xe ô tô TOYOTA- PRADO, BKS 37S1 mang tên Nguyễn Thành L - Sinh năm 1965, trú tại: phường T, Tp V, tỉnh Nghệ An. Cả 04 xe ô tô trên, đều là loại 07 chỗ ngồi. Hiện cơ quan điều tra tạm giữ 02 xe ô tô LANDROVER, BKS 30T và xe ô tô LEXUS - BKS 30T; 02 xe ô tô là xe HUMMER, BKS 30U giao cho anh Đinh Trọng Th và xe ô tô TOYOTA- PRADO, BKS 37S1 giao cho Tổng công ty hợp tác kinh tế quân khu IV- Bộ quốc phòng quản lý, sử dụng.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang thì thấy: Ngày 23/5/2009, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về TTQL kinh tế và chức vụ Công an tỉnh Bắc Giang thu giữ tại xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang 04 xe ô tô ghi nhãn hiệu HUMMER; LANDROVER; LEXUS; TOYOTA - PRADO. Theo kết quả giám định số 496/PC21 ngày 16/6/2009 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận 04 xe ô tô trên là loại xe 04 chỗ ngồi, số khung đã bị cắt ghép, hàn lại, số máy đã bị tẩy xóa, đóng đục lại. Ngày 31/7/2009, Phòng Cảnh sát điều tra chuyển 04 xe ô tô trên đến Đội QLTT số 10 tỉnh Bắc Giang để xử lý. Ngày 13/8/2009, Đội quản lý thị trường số 10 tỉnh Bắc Giang, Phòng Tài chính kế hoạch huyện V tổ chức bán đấu giá, theo Quyết định số 1737/QĐ - UBND ngày 07/8/2009 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện V, cho những người có tên là Ngô Doãn Q, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thành L. Ngày 05/01/2010, Phòng tài chính huyện V, Bắc Giang đã nộp các tài liệu, hồ sơ bán thanh lý 04 xe ô tô công an Bắc Giang thu giữ ngày 23/5/2009 cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra xe ô tô FORD - MUSTANG, BKS 30H của Ngô Doãn P, thu giữ trong cốp xe tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất số 7470 ngày 22/5/2009 tại cửa khẩu Cầu Treo; số X ngày 22/11/2008, số 4138 ngày 20/12/2008 tại cửa khẩu B (bản phô tô); tờ khai số A ngày 21/11/2007; giấy uỷ quyền của anh Nguyễn Thành L cho Nguyễn Văn Đ; giấy uỷ quyền của

chị Nguyễn Hồng V cho Vũ Văn O, 01 phong bì bên trong có mảnh giấy ghi kết luận giám định của 04 chiếc xe ô tô PRADO, xe HUMMER, LEXUS, LANDROVER và 24 mảnh giấy cà số khung số máy các loại xe, 01 phong bì có chữ "vào tên Hoàng Quang Đ" bên trong có 06 mảnh giấy cà số khung số máy xe. Ngoài ra còn thu giữ các loại giấy tờ khác có liên quan đến việc đăng ký các xe ô tô. Ngày 13/7/2010, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Ngô Doãn P tại tổ 2, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội thu giữ 05 quyển sổ kiểm định xe ô tô và 04 giấy đăng ký xe của các xe ô tô 29N, 29Z, 30T, 30H; các tài liệu sao y về việc bán đấu giá tài sản của Uỷ ban nhân dân huyện V ngày 13/8/2009, 02 Giấy chứng nhận chất lượng xe nhập khẩu, tài liệu xe HUMMER 80NG (phôtô). Ngày 13/7/2010, cơ quan điều tra khám xét tại gara ô tô "P" của Ngô Doãn P tại Km 17 phường Đ, H, thành phố Hà Nội, thu giữ 16 loại tài liệu liên quan đến việc đăng ký các xe ô tô.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng tháng 2/2009, Cao Vũ C công tác tại Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ - Công an tỉnh Bắc Giang bàn bạc với Đỗ Mạnh D tìm xem có nguồn hàng xe ô tô cũ nát để C bắt giữ, xử lý lấy bộ hồ sơ hợp pháp đăng ký cho những xe nhập lậu, kiếm tiền tiêu sài. D điện thoại trao đổi với Ngô Doãn P và tạo điều kiện để C và Phúc gặp nhau thống nhất: P tìm nguồn hàng là các xe ô tô dạng tạm nhập, tái xuất có thời hạn tại Việt nam, đồng thời tìm các xe cũ nát, đục, cắt ghép, hàn số khung, số máy trùng với số khung, số máy của xe tạm nhập để C bắt giữ và hợp thức hoá hồ sơ cho các xe nhập lậu. P đã thông qua Phùng Văn L còn C thông qua Đỗ Mạnh D để làm nhiệm vụ liên lạc và thực hiện các yêu cầu của C và P. Khoảng đầu năm 2009, P thu gom được 04 xe ô tô trong đó có 03 xe ô tô tạm nhập, nhãn hiệu: HUMMER; LANDROVER; LEXUS; TOYOTA - PRADO rồi tìm 04 xe ô tô, loại 04 chỗ ngồi, cũ nát, tập kết tại xưởng sửa chữa ô tô của P, sơn lại màu sơn, hàn, cắt ghép số khung, đục lại số máy, gắn nhãn mác phù hợp với 04 xe nhập lậu. Sau khi chuẩn bị xong, P báo cho L, L báo cho D để D điện báo cho Cao Vũ C biết.

Ngày 21/5/2009, C đề xuất với Lãnh đạo Phòng PC15 (nay là PC46) Công an tỉnh Bắc Giang về việc: "Nhận nguồn tin quần chúng nhân dân cung cấp, khoảng từ 24 giờ ngày 22/5/2009 đến 05 giờ sáng ngày 23/5/2009, sẽ có một nhóm đối tượng vận chuyển 04 xe ô tô nhập lậu đi theo hướng Quốc lộ 37 lên Lạng Sơn để tiêu thụ, toàn bộ số xe ô tô trên không có giấy tờ hợp lệ, đề xuất phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông - Công an huyện V và Đội QLTT số 10 kiểm tra, bắt giữ ". Ông Nguyễn Hồng S - Phó trưởng phòng duyệt đồng ý và

cử 04 cán bộ Phòng PC46 tham gia, gồm: Anh Nguyễn Mạnh H (đội trưởng Đội công nông nghiệp), Cao Vũ C (trinh sát), Anh Phạm Xuân Th (trinh sát), anh Vũ Văn T (trinh sát), phối hợp với Cảnh sát giao thông huyện V và Đội quản lý thị trường số 10 tỉnh Bắc Giang để phục kích bắt giữ. Ngày 22/5/2009, D và L đến kiểm tra tại xưởng sửa chữa ô tô của P và thông báo cho Cao Vũ C lộ trình vận chuyển để C bố trí bắt giữ xe ô tô dưới dạng vô chủ. P giao cho Phùng Văn L gọi xe cứu hộ. L thông qua tổng đài 1080 gọi được 02 xe, còn lại P gọi 01 xe cứu hộ, chở 04 xe ô tô cũ nát vào đêm 22 rạng ngày 23/5/2009, từ gara ô tô của P tại Km 17, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội theo Quốc lộ 37 đến địa phận xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. P thuê xe ô tô TRANSIT 16 chỗ ngồi chở: P, D, L, Nguyễn Văn Đ và một số đối tượng khác (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ), đi theo đoàn xe cứu hộ. Khoảng 24 giờ ngày 22/5/2009, xe ô tô của P và các xe cứu hộ, xuất phát từ H, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 3 giờ 30 phút ngày 23/5/2009, đoàn xe cứu hộ chở 04 xe ô tô của P đến địa phận xã T, huyện V, phát hiện thấy có Cảnh sát giao thông, P chỉ đạo lái xe chở người quay về Hà Nội, còn các xe cứu hộ thả 04 xe ô tô cũ nát xuống ven đường để Công an tỉnh Bắc Giang bắt giữ dưới dạng vô chủ. Tổ công tác của C đã tiến hành lập biên bản tạm giữ 04 chiếc xe trên và kéo về để tại Đội QLTT số 10, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

P thông qua Đỗ Mạnh D thống nhất với C ghi nhãn mác, số khung, số máy phù hợp với 04 xe ô tô mà P đã chuẩn bị từ trước, tìm pháp nhân là Công ty cổ phần giải pháp N, địa chỉ: phường N, quận T, thành phố Hà Nội, do ông Đặng Quốc D làm giám đốc, ký tên, đóng dấu hợp thức hoá hồ sơ xác định hiện trạng 04 xe ô tô bắt giữ rạng sáng ngày 23/5/2009, đồng thời thoả thuận chi phí cho C 04 bộ hồ sơ là 40.000 USD tương đương 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng, tính theo giá thị trường 18.000 VNĐ/USD) và 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền giám định số khung, số máy. P đã chuẩn bị sẵn các loại giấy tờ, thủ tục cần thiết cho việc hợp thức hồ sơ mua thanh lý, như chứng minh nhân dân phô tô; Giấy uỷ quyền của người đứng tên mua xe ô tô. Ngày 13/8/2009, P dùng xe ô tô chở Q, O, L, Đ từ quán G, Đ, thành phố Hà Nội đến Đội quản lý thị trường số 10 giao cho Ngô Doãn Q (là anh trai P) làm thủ tục mua hai xe ghi nhãn hiệu HUMMER và LANDROVER, nhờ Vũ Văn O (Sinh năm 1964, trú tại: phường V, Tp N, tỉnh Nam Định) làm thủ tục và ký tên người mua là chị Nguyễn Hồng V, trú tại: K, quận T, thành phố Hà Nội xe ghi nhãn hiệu LEXUS, anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981, trú tại: Y, C, thành phố Hà Nội ký tên người mua là anh Nguyễn Thành L, trú tại: Tổ 11, phường T, Tp V, Nghệ An, xe ghi nhãn hiệu TOYOTA - PRADO để D giao cho C làm thủ tục

mua xe thanh lý. Sau khi hoàn thành hồ sơ thanh lý, Nguyễn Xuân Y giao 04 bộ hồ sơ cho P. Hai ngày sau, P thuê xe cứu hộ kéo 04 xe ô tô từ Đội QLTT số 10 Bắc Giang về Gara ô tô của P tại Km17, Quốc lộ 6, phường Đ, H, thành phố Hà Nội. Sau đó, nhờ Đỗ Mạnh D kéo 04 xe về gửi tại nhà hàng của anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1978, trú tại: Thị trấn T, H, Bắc Giang, để tìm khách bán. D đã bán 04 xe ô tô cũ được 28.000.000 đồng (hai tám triệu đồng) và giao số tiền này cho P.

Việc Ngô Doãn P giao tiền cho Cao Vũ C, được thực hiện thông qua Phùng Văn L và Đỗ Mạnh D, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 6/2009, D thuê xe ô tô VIOS, BKS: 98K - 4727 của anh Trần Văn M đưa D đến cửa hàng sửa chữa xe máy của L tại Đ, H, thành phố Hà Nội. Sau đó chở D và L đến Gara ô tô "P", km 17, Quốc lộ 6, phường Đ, H, thành phố Hà Nội. Tại đây, L và D nhận từ P số tiền là 18.000 USD tương đương 324.000.000 đồng (ba trăm hai mươi tư triệu đồng). Cùng ngày, anh Mạnh đã chở D đến đường H, Tp B. Anh M vào quán uống cà phê. C vào trong xe ô tô và D đã giao cho C 14.000 USD (mười bốn ngàn Đô la Mỹ), tương đương 252.000.000 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu đồng), D giữ lại 4.000 USD. Anh M khai: Khi đến quán cà phê nói trên, D gặp và nói chuyện với ai đó. Anh M không biết việc giao nhận tiền giữa D và C.

Lần 2: Khoảng 16 giờ ngày 18/6/2009, tại quán cà phê phố Đ, L và D nhận từ P số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để chi phí giám định số khung, số máy 04 xe ô tô bắt giữ rạng sáng ngày 23/5/2009, theo yêu cầu của C. Ngay sau đó, D và L lên Tp Bắc Giang, đến khoảng 21h30 phút cùng ngày giao cho C 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) tại quán bia "Bình dân" đường Hùng Vương, TP Bắc Giang. D giữ lại 5.000.000 đồng để sử dụng.

Lần 3: Khoảng 10 giờ, ngày 13/8/2009, tại quán nước đối diện Đội QLTT V, Bắc Giang, P giao cho D số tiền 356.000.000 đồng (ba trăm năm sáu triệu đồng), sau đó D vào phòng máy tính Đội QLTT số 10, giao cho C số tiền trên.

Lần 4: Sau ngày 13/08/2009, C cho rằng D giao tiền cho C còn thiếu so với yêu cầu của C (C yêu cầu 36.000 USD và 40.000.000 đồng tiền giám định tương đương 688.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi tám triệu đồng) nhưng D mới đưa 643.000.00 đồng (sáu trăm bốn mươi ba triệu đồng) nên C đến nhà D để đòi tiếp. Chị Dương Mai K (vợ D) chỉ đi vay được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đưa D giao cho C.

Như vậy, L và D nhận từ P 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng), tương đương 40.000USD (bốn mươi ngàn Đô la Mỹ), D đã giao cho C

673.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi ba triệu đồng), được hưởng 47.000.000 đồng (bốn bảy triệu đồng).

Xác minh về nguồn gốc 04 xe ô tô được P dùng bộ hồ sơ mua thanh lý xe ngày 13/8/2009 tại huyện V, Bắc Giang để đăng ký xác định:

1. Xe ô tô nhãn hiệu HUMMER, màu đỏ, số khung 5A; Số máy: B, đã nhập cảnh vào Việt Nam, qua Cửa khẩu Cầu treo - Hà Tĩnh, theo tờ khai Hải quan số 7470 ngày 22/5/2009, người điều khiển xe tên là Thanouthong, quốc tịch Lào, chủ phương tiện là ông M, quốc tịch Lào, địa chỉ cư trú: Viên Chăn - Lào, loại xe 07 chỗ ngồi, số giấy đăng ký R, cấp ngày 24/10/2007 tại Lào. Giấy phép hoạt động tại Việt Nam số V ngày 11/3/2009, ngày hết hạn 10/4/2009, Cơ quan cấp Sở giao thông vận tải B, thời hạn tạm nhập 30 ngày, ngày hết hạn phải tái xuất 20/6/2009; BKS KK; SK 7 có vết xóa; SM 4, chưa làm thủ tục tái xuất khỏi Việt Nam.

2. Xe ôtô LANDROVER màu xanh loại xe 07 chỗ ngồi, số khung S; Số máy DT; Năm sản xuất 2006; Nước sản xuất: Vương quốc Anh. Cơ quan điều tra xác minh tại Tổng cục Hải quan và C26 - Cục cảnh sát giao thông - Bộ công an chưa xác định được đã nhập cảnh vào Việt Nam theo hình thức nào .

3. Xe ôtô nhãn hiệu LEXUS, màu trắng, loại 07 chỗ ngồi, số khung: J, số máy U, đã được Công ty TNHH T, trụ sở tại Lào, do ông Ngô Quang C là người Việt Nam, đăng ký BKS: KK, tại tỉnh B, ngày 02/02/2005 Công ty TNHH T đã uỷ quyền cho chị Huỳnh Thị Mộng T, sinh năm 1978, trú tại: phố P, phường A, quậnT, TP Hồ Chí Minh là người có quan hệ với ông Ch sử dụng, sau đó ông Ch bán cho một người Việt Nam, chị T không nhớ tên và địa chỉ cư trú. Ngày 20/12/2008, chiếc xe này nhập cảnh từ Lào vào Việt Nam qua cửa khẩu B, thuộc Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum, theo tờ khai tạm nhập, tái xuất số 4138/TN/ HQCKBY; người điều khiển là anh Nguyễn Văn Tr, số hộ chiếu: B cấp ngày 18/4/2007. Hiện chiếc xe ô tô này chưa tái xuất.

4. Xe ôtô nhãn hiệu TOYOTA-PRADO, số khung J số máy R, loại 07 chỗ ngồi, màu vàng cát, do Công ty cao su C thuộc Tổng công ty Hợp tác kinh tế quân khu IV- Bộ quốc phòng, đăng ký BKS: KK, tại tỉnh B - Lào, theo dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào. Thời điểm khoảng tháng 2/2009, anh Trần Châu Y, sinh năm 1965, là Giám đốc- Công ty CP vận tải TM 85 (đơn vị trực thuộc Tổng công ty hợp tác kinh tế Quân khu IV) và anh Bùi Văn G, sinh 1985 là lái xe cho anh Y, anh G được Ngô Doãn P giới thiệu làm được thủ tục hồ sơ hợp pháp, để đăng ký chiếc xe trên tại Việt Nam. P đưa ra điều kiện: Chỉ cần cung

cấp cho P bản cà số khung, số máy của xe, cung cấp giấy uỷ quyền người đứng tên đăng ký (vì phải đứng tên cá nhân mới đăng ký được) và đưa P 25.000 USD. Anh G nói lại việc này với Y, Y đồng ý và đã soạn thảo, ký giấy uỷ quyền người mua là anh Nguyễn Thành L, người nhận uỷ quyền là Nguyễn Văn Đ theo yêu cầu của P, giao bản photo chứng minh nhân dân của anh Lê cho P. Anh G là người đã giao cho P 25.000 USD (số tiền này do anh G bỏ ra). Sau khi nhận tiền và các giấy tờ nêu trên, P đã hợp thức hoá và lấy bộ hồ sơ bán thanh lý xe ô tô ngày 13/8/2009 tại V, giao cho Y và anh G làm thủ tục đăng ký chiếc xe này tại Phòng Cảnh sát giao thông- Công an tỉnh Nghệ An, BKS: 37S1, mang tên anh Nguyễn Thành L là Tổng giám đốc Công ty hợp tác kinh tế Quân khu IV, trú tại: Khối 11, phường T, Tp V, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Thành L khai: Khi Y báo cáo làm thủ tục chuyển đổi biển đăng ký số xe từ Lào sang Việt Nam bằng con đường hợp pháp, để thuận tiện cho Công ty đi lại công tác (hàng tháng không phải lên cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập, tái xuất, nên anh L đồng ý. Anh G đăng ký xong, giao hồ sơ và biển số, anh L phát hiện màu xe ghi trong đăng ký và màu xe đang sử dụng không phù hợp với nhau (màu đen và màu vàng cát). Do vậy, anh L không gắn biển kiểm soát 37S1 để sử dụng mà yêu cầu đưa xe sang Lào hoạt động theo dự án và nộp lại Cơ quan điều tra giấy đăng ký xe. Y và anh G khai: Không tham gia vào quá trình hợp thức hoá bộ hồ sơ này, mà chỉ nhờ P chuyển đổi hồ sơ để đăng ký chiếc xe của Công ty. Do quá tin P thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên mới nhờ P làm hồ sơ để đăng ký tại Việt Nam. Toàn bộ hồ sơ P chuyển giao cho Y, đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An chấp nhận cho đăng ký. Sau khi phát hiện có sự sai lệch về màu sơn của xe, đã nhiều lần liên hệ với P nhưng không được. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chiếc xe trên tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, ngày 08/7/2010 đã kết luận: "Số khung, số máy là nguyên thuỷ".

Về giá trị các xe ô tô trên: Hội đồng định giá tài sản theo tố tụng hình sự của Uỷ ban nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội kết luận về chất lượng và giá trị đối với 04 xe ô tô như sau: Xe ô tô HUMMER, BKS 30U, chất lượng còn lại 92%, giá trị còn lại 2.502.400.000 đ; xe ô tô LANDROVER, BKS 30T, chất lượng còn lại 92%, giá trị là 1.017.000.000 đồng; xe ô tô LEXUS, BKS 30T chất lượng còn lại 91%, giá trị là 1.701.700.000 đồng; xe ô tô TOYOTA-PRADO, BKS 37S, chất lượng còn lại 88%, giá trị là 1.056.000.000 đồng; Tổng giá trị 04 xe ô tô là 6.227.100.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 88/2011/HSST ngày 22/12/2011 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Ngô Doãn P, Cao Vũ C, Đỗ Mạnh D, Phùng Văn L phạm tội "Buôn lậu"; bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 153, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Ngô Doãn P 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/7/2010. Phạt tiền bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Cao Vũ C 07 (Bẩy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 08/10/2010. Phạt tiền bổ sung 20.000.000đ (Hai mơi triệu đồng).

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 153, điểm a,g,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Mạnh D 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ đi thời gian tạm giam từ 06/9/2010 đến ngày 31/12/2010. Phạt tiền Đỗ Mạnh D 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Xử phạt: Phùng Văn L 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ đi thời gian tạm giam từ 02/10/2010 đến ngày 31/12/2010. Phạt tiền Phùng Văn L 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 285, điểm g,h,s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Xuân T 14 (Mười bốn) tháng 18 (Mười tám) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/10/2010. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do ngay cho bị cáo nếu không bị giam giữ về tội phạm khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngô Doãn P và các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 06/1/2012, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị phúc thẩm một phần bản án số 88/2011/HSST ngày 20,21,22/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử 05 bị cáo về hành vi buôn lậu 3 xe ô tô như cáo trạng số 123A ngày 21/9/2011 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và đề nghị Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Ngô Doãn P, Vũ Cao C; xác định tội danh và tăng hình phạt đối với Nguyễn Xuân T theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 371/2012/HSPT ngày 19/7/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã quyết định giữ nguyên bản án

hình sự sơ thẩm: Tuyên bố các bị cáo Ngô Doãn P, Cao Vũ C, Đỗ Mạnh D, Phùng Văn L phạm tội "Buôn lậu".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 153 Bộ luật hình sự xử phạt:

- Ngô Doãn P 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2010;

- Cao Vũ C 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2010;

- Đỗ Mạnh D 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Phùng Văn L 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 19/2013/HS-GĐT ngày 13/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Hủy bản án hình sự phúc thẩm thẩm số 373/2012/HSPT ngày 19/7/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và bản án hình sự sơ thẩm số 88/2011/HSST ngày 22/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội với căn cứ: Để có căn cứ vững chắc xác định hành vi của các bị cáo P, C, D, L, Thủy có cấu thành tội "Buôn lậu" hay không cần phải được tiếp tục điều tra làm rõ một số nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2016/HSST ngày 02 tháng 06 năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà nội quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Ngô Doãn P, Cao Vũ C, Đỗ Mạnh D, Phùng Văn L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng điểm a khoản 4 khoản 5 Điều 250, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Ngô Doãn P 08** (**Tám**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/7/2010. Phạt tiền bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: **Cao Vũ C 07** (**Bẩy**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 08/10/2010. Phạt tiền bổ sung 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 250 , điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đỗ Mạnh D 04** (**Bốn**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25.08.2014 được trừ thời gian tạm giam từ ngày 06.09.2010 đến ngày 31.12.2010 và thời gian giam từ ngày 05.04.2013 đến ngày 25.08.2014 bị cáo tự nguyện đi thi hành bản án số 88/2011/HSST ngày 22.12.2011 do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử, bản án đã bị hủy án.

Xử phạt: **Phùng Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ đi thời gian tạm giam từ 02/10/2010 đến ngày 31/12/2010.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt với bị cáo Nguyễn Xuân T, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, việc kháng cáo, kháng nghị như sau:

Ngày 06/6/2016, bị cáo Phùng Văn L kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 15/6/2016, anh Đinh Trọng Th kháng cáo đề nghị xem xét lại quyết định về phần trách nhiệm dân sự.

Ngày 15 tháng 6 năm 2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyết định kháng nghị số 38/2016/QĐ-KN với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt các bị cáo Ngô Doãn P, Cao Vũ C, Đỗ Mạnh D và Phùng Văn L về tội "Buôn lậu" và xử tăng hình phạt với hai bị cáo Ngô Doãn P và Cao Vũ C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Quá trình tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô Doãn P, Cao Vũ C không khai nhận hành vi như cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố cũng như bản án sơ thẩm đã quy kết. Các bị cáo Đỗ Mạnh D và Phùng Văn L và Nguyên Xuân G cơ bản khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Đỗ Mạnh D, Phùng Văn L và Nguyễn Xuân Y cùng lời khai của những người liên quan, người làm chứng và các tài liệu đã thu thập, đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 23/5/2009 đến ngày 13/8/2009 lợi dụng chính sách tạm nhập, tái xuất xe ô tô từ Lào vào Việt Nam có thời hạn, bị cáo Ngô Doãn P đã mua nhiều xe ô tô với giá rẻ từ Lào (trong đó có 02 xe ô tô HUMMER và LEXUS) sau đó cùng các bị cáo Cao Vũ C, Đỗ Mạnh D và Phùng Văn L dùng thủ đoạn hợp pháp hóa giấy tờ đăng ký cho các xe này rồi bán lại cho người khác để thu lợi bất chính; thủ đoạn của các bị cáo là tạo lập hồ sơ bắt giữ hành chính 04 xe ô tô cũ nát loại 04 chỗ ngồi, sơn sửa, hàn ghép, tẩy xoá, đóng đục lại

số khung, số máy, gắn nhãn mác trùng với 02 xe ô tô loại 07 chỗ ngồi (xe HUMMER và LEXUS) mà P đã chuẩn bị từ trước, sau đó P câu kết với các đối tượng trên, tạo ra vụ bắt giữ các xe ô tô cũ sáng ngày 23/5/2009 tại xã T, huyện V, Bắc Giang, để hợp thức hoá thành bộ hồ sơ bán thanh lý các xe ô tô cũ nát, đăng ký cho 02 xe ô tô HUMMER và LEXUS nhập lậu để bán kiếm lời. Tổng giá trị 02 xe trên là 4.204.100.000 đồng (bốn tỷ hai trăm linh bốn triệu một trăm ngàn đồng).

Xét kháng nghị số 38/2016/QĐ-KN ngày 15/6/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Theo bản án sơ thẩm thì, do không có căn cứ chứng minh được các bị cáo mua bán, vận chuyển 02 xe ô tô HUMMER và LEXUS qua biên giới nên chỉ xác định các bị cáo biết xe nhập lậu mà vẫn tiêu thụ, vì vậy hành vi nêu trên của các bị cáo Ngô Doãn P,Cao Vũ C, Đỗ Mạnh D, Phùng Văn L bị xét xử về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội danh và hình phạt được qui định tại điểm a khoản 4 điều 250 Bộ luật hình sự.

Sau khi có Quyết định Giám đốc thẩm số 19/2013/HS-GĐT ngày 13/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định hủy bản án hình sự phúc thẩm thẩm số 373/2012/HSPT ngày 19/7/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và bản án hình sự sơ thẩm số 88/2011/HSST ngày 22/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cơ quan điều tra đã tiếp tục tiến hành điều tra, theo đó kết quả điều tra về nguồn gốc 02 xe ô tô (HUMMER và LEXUS) nêu trên như sau:

1. Đối với xe HUMMER: Xe ô tô nhãn hiệu HUMMER, màu đỏ, có số khung: A, số máy: 2B, chiếc xe này đã nhập cảnh vào Việt Nam qua Cửa khẩu Cầu Treo Hà Tĩnh, theo Tờ khai Hải quan số K ngày 22/5/2009, người điều khiển xe tên là THANOUTHONG, quốc tịch Lào, chủ phương tiện là ông MEVALAKONE, quốc tịch Lào, địa chỉ cư trú: Viên Chăn, Lào, loại xe 07 chỗ ngồi, số giấy đăng ký: 14382 cấp ngày 24/10/2007 tại Lào. Giấy phép hoạt động tại Việt Nam số: 7931 ngày 11/3/2009, ngày hết hạn: 10/4/2009, Cơ quan cấp là Sở giao thông vận tải Lào, ngày hết hạn 20/6/2009; đeo BKS tại Lào là: KK ; SK A; SM B, chưa làm thủ tục tái xuất khỏi Việt Nam. Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn I là Cán bộ Hải quan cửa khẩu Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh cũng khai phù hợp với những nội dung như trên.

2. Đối với xe LEXUS: Xe ô tô nhãn hiệu LEXUS, màu trắng, loại 07 chỗ ngồi, số khung: J, số máy U, đã được Công ty TNHH T, trụ sở tại Lào, do ông Ngô Quang Ch là người Việt Nam đăng ký BKS tại Lào là: KK, tại tỉnh

BOLYKHAMXAY. Ngày 02/02/2005, Công ty TNHH T uỷ quyền cho chị Huỳnh Thị Mộng T sinh năm 1978, trú tại: phố P, phường A, quận T, TP Hồ Chí Minh (vợ ông Ch) sử dụng, sau đó ông Ch bán cho một người Việt Nam, (ông Ch hiện đã chết, chị T không nhớ tên và địa chỉ cư trú). Ngày 20/12/2008, chiếc xe này, nhập cảnh qua cửa khẩu B, thuộc Cục Hải quan Gia Lai –Kon tum, theo Tờ khai tạm nhập, tái xuất số 4138/TN/ HQCKBY; Người điều khiển là anh Nguyễn Văn Tr, số hộ chiếu: B cấp ngày 18/4/2007. Hiện chiếc xe ô tô này chưa tái xuất. Anh Lê Văn Q và anh Phạm Ngọc S là Cán bộ Hải quan Cửa khẩu B đã khai phù hợp với nội dung nêu trên.

Trong số 04 xe ô tô nhập lậu, sau đó đã được hợp thức hồ sơ và đăng ký tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội thì có 02 xe đăng ký đứng tên Ngô Doãn Q là anh trai bị cáo Ngô Doãn P (hiện Ngô Doãn Q đang bỏ trốn).

Về việc bán 02 xe ô tô nêu trên của Ngô Doãn P, kết quả điều tra được xác định như sau:

1. Chiếc xe ô tô HUMMER - BKS 30U, Ngô Doãn P bán cho anh Đinh Trọng Th, trú tại: phố Y, quận T, thành phố Hà Nội vào ngày 17/10/2009, số tiền bán là 112.500 USD Đô la Mỹ, hình thức thanh toán: Anh T giao chiếc xe HUMMER màu ghi, BKS: 80NG - 346 - 49 cho Ngô Doãn P, lấy chiếc xe ô tô HUMMER, BKS: 30U và đưa thêm cho Ngô Doãn P số tiền 71.200 USD, việc giao dịch diễn ra tại Gara ô tô của anh Nguyễn Trọng N, địa chỉ tại: đường G, quận T, thành phố Hà Nội. Ngô Doãn Q khai: P là người giao dịch bán và nhận tiền, khi giao dịch mua, bán xong, P gọi vợ chồng Q đến ký thủ tục mua bán cho hợp lệ, vì Q là người đứng tên đăng ký.

2. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu LEXUS, đăng ký BKS: 30T, chị V khai: Do quen biết và có nhu cầu mua xe sử dụng nên chị đã nhờ P mua hộ, quá trình P làm thủ tục mua bán, chị không rõ nguồn gốc xe, không tham gia vào quá trình mua thanh lý tại huyện V, tỉnh Bắc Giang cũng như làm thủ tục giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Tuy đã đăng ký tên chị V, nhưng chị Việt chưa thanh toán tiền cho P do xe chưa hoàn chỉnh thủ tục, P cũng chưa giao xe cho chị V.

Về kết quả điều tra, xác minh hoạt động của Ngô Doãn P cho thấy, từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2010 (thời điểm trước khi bị bắt) Ngô Doãn P đã 32 lần nhập cảnh vào CHDCND Lào. Thêm nữa, khi bị bắt giữ, cơ quan điều tra đã thu giữ tại cốp xe ô tô của Ngô Doãn P nhiều tài liệu hồ sơ làm thủ tục tạm nhập, tái xuất, trong đó có xe ô tô Hummer và Lexus từ Lào vào Việt Nam qua cửa khẩu cầu Treo và cửa khẩu B.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 93/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 28/6/2010 quy định thì các hành vi như: Không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng...đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; tự ý tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào Việt Nam; không tái xuất, tái nhập hàng hóa, phương tiện vận tải đúng thời hạn quy định đã đăng ký với cơ quan Hải quan...là các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính và xác định đó là hành vi buôn lậu.

Thêm nữa, quá trình nghiên cứu hồ sơ để chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, hội đồng xét xử phúc thẩm đã nghiên cứu và tham khảo Quyết định kháng nghị số 15/KN-HS ngày 24/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tội danh này.

Với những phân tích và lập luận như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với quan điểm được nêu trong kháng nghị cũng như của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa khẳng định: Mặc dù Ngô Doãn P cố tình không khai về quy trình mà bị cáo đã mua bán và vận chuyển xe về Việt Nam, song vẫn có đủ cơ sở thuyết phục chứng minh Ngô Doãn P đã mua 02 xe ô tô (HUMMER và LEXUS) trong tổng số 04 chiếc xe ô tô nêu trên với giá rẻ từ Lào rồi mang về Việt Nam dưới dạng tạm nhập, tái xuất rồi sau đó hợp thức hóa hồ sơ, làm thành xe hợp pháp mang đăng ký Việt Nam, sau đó bán cho người khác nhằm thu lời bất chính. Hành vi của các bị cáo Ngô Doãn P, Cao Vũ C, Phùng Văn L và Đỗ Mạnh D là đồng phạm về tội "Buôn lậu", do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Về hình phạt: Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với việc phân hóa vai trò như Tòa án cấp sơ thẩm, theo đó xác định: Ngô Doãn P là bị cáo đứng đầu trong vụ án, quá trình điều tra và tại các phiên tòa chưa thực sự thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, gây khó khăn cho công tác điều tra, giải quyết vụ án, cho nên Ngô Doãn P bị mức hình phạt cao nhất trong số đồng phạm.

Bị cáo Cao Vũ C, nguyên là cán bộ Công an, lợi dụng vào chức năng, nhiệm vụ được giao đã có thủ đoạn gian dối, tạo dựng hiện trường đồng thời giúp bị cáo Ngô Doãn P hợp thức hóa hồ sơ bán xe ô tô thanh lý và sử dụng những bộ hồ sơ này để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo giữ vai trò sau bị cáo Ngô Doãn P. Bị cáo Cao Vũ C được hưởng tình tiết giảm nhẹ như nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình bị cáo được xác định là có công với cách mạng, nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cũng như phần trên đã nêu, theo hướng này Hội đồng xét xử cũng chấp nhận kháng nghị theo hướng áp dụng điểm a khoản 4

Điều 153 của Bộ luật Hình sự để quyết định tăng hình phạt đối với bị cáo Ngô Doãn P và Cao Vũ C.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phùng Văn L: Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và Viện kiểm sát cũng chỉ đề nghị xét xử bị cáo với tội danh khác song không kháng nghị theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; như trên đã phân tích, mặc dù chuyển tội danh theo hướng áp dụng tội danh nặng hơn song Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn ghi nhận những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, theo đó xác định bị cáo Phùng Văn L chỉ là đồng phạm, giúp sức cho các bị cáo Ngô Doãn P và Cao Vũ C trong việc thực hiện thủ đoạn hợp lý hóa giấy tờ xe ô tô, bị cáo chỉ được hưởng lợi không lớn, đặc biệt trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực giúp cơ quan điều tra phát hiện ra thủ đoạn tinh vi của các bị cáo khác, cho nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải; nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm a, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Ngoài ra bị cáo còn có bố là bệnh binh, mẹ bị cáo được tặng huy chương kháng chiến, con đẻ bị cáo bị mắc bệnh tự kỷ nặng không tự phục vụ được bản thân, vai trò tham gia trong vụ án của bị cáo Phùng Văn L là thấp nhất trong số đồng phạm, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ phạt bị cáo 03 năm 6 tháng tù là phù hợp và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Mạnh D: như trên đã phân tích, cũng như bị cáo Phùng Văn L, mặc dù chuyển tội danh theo hướng áp dụng tội danh nặng hơn song Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn ghi nhận những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, theo đó xác định bị cáo Phùng Văn L chỉ là đồng phạm, giúp sức cho các bị cáo Ngô Doãn P và Cao Vũ C. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân hóa và quyết định xử phạt bị cáo với mức hình phạt là 04 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo và kháng nghị củaViện kiểm sát cũng chỉ đề nghị xét xử bị cáo với tội danh khác song không kháng nghị theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt như quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của anh Đinh Trọng Th: Như diễn biến quá trình mua bán xe

ô tô đã xác định rõ: Anh Đinh Trọng Th mua chiếc xe ô tô HUMMER màu đỏ, số khung A, số máy B, BKS 30U của Ngô Doãn P. Cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận xét, anh Đinh Trọng Th mua chiếc xe ô tô này do Ngô Doãn P phạm tội mà có, việc mua bán này được coi là ngay tình nhưng không hợp pháp, hợp đồng mua bán này là vô hiệu, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bị cáo Ngô Doãn P phải hoàn trả lại tiền cho anh Đinh Trọng Th với số tiền anh Thành đã trả cho Ngô Doãn P là 72.500USD, đồng thời cũng buộc anh Đinh Trọng Th phải nộp lại chiếc xe này để tịch thu sung công quĩ nhà nước là đúng quy định của pháp luật, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Trọng Th.

Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo song không được cấp phúc thẩm chấp nhận thì phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các phân tích và nhận định như đã nêu trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Văn L xin giảm nhẹ hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Trọng Th đề nghị xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo: Ngô Doãn P, Cao Vũ C, Đỗ Mạnh D và Phùng Văn L phạm tội "Buôn lậu".

- Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 153, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Doãn P 13** (**mười ba**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/7/2010. Phạt tiền bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo **Cao Vũ C 12** (**mười hai**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 08/10/2010. Phạt tiền bổ sung 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Giữ nguyên các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã quyết định đối với Đỗ Mạnh D và Phùng Văn L, cụ thể là:

Xử phạt **Đỗ Mạnh D 04** (**Bốn**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/08/2014 được trừ thời gian tạm giam từ ngày 06/09/2010 đến ngày 31/12/2010 và thời gian bị cáo tự nguyện đi thi hành án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2011/HSST ngày 22/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án hình sự phúc thẩm số 371/2012/HSPT ngày 19/7/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Xử phạt **Phùng Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 02/10/2010 đến ngày 31/12/2010.

Giữ nguyên quyết định về phần xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo đang bị tạm giam để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Phùng Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Anh Đinh Trọng Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Trại TGCA TP Hà Nội;
- Các bị cáo (qua TTG TP Hà Nội);
- Lưu HS (2b), Phòng HCTP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Ngô Hồng Phúc